

Đa dạng họ Lan (Orchidaceae) ở Vườn Quốc gia Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Đặng Văn Sơn^{1*}, Trương Bá Vương¹, Nguyễn Thị Mai Hương¹, Hoàng Nghĩa Sơn¹
Mai Trường¹, Nguyễn Hồng Quân², Lê Minh Dũng²

¹Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
²Vườn Quốc gia Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Ngày nhận bài 5/10/2016, ngày chuyển phản biện 11/10/2016, ngày nhận phản biện 7/11/2016, ngày chấp nhận đăng 14/11/2016

Kết quả nghiên cứu đa dạng họ Lan (Orchidaceae) ở Vườn Quốc gia Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đã xác định được 125 loài thuộc 59 chi. Trong đó, tất cả các loài (trừ lan phụ sinh) đều có giá trị làm cảnh, 10 loài làm thuốc và 3 loài là Vân hài (*Paphiopedilum callosum*), Thạch mộc Việt Nam (*Dendrobium blaoense*) và Cánh sét (*Dendrobium ochraceum*) nằm trong Sách đỏ Việt Nam (2007) và Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ. Dạng sống của các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) cũng được thống kê, 82 loài Phong lan (Epi); 17 loài Địa lan (Lit); 13 loài vừa Phong lan (Epi) và Thạch lan (Lit); 4 loài lan hoại sinh (Sap); 4 loài vừa Thạch lan (Lit) và Địa lan (Ter); 3 loài vừa Phong lan (Epi), Thạch lan (Lit) và Địa lan (Ter); 1 loài Thạch lan (Lit); 1 loài vừa Phong lan (Epi) và Địa lan (Ter). Đặc biệt, đã ghi nhận được 3 cá thể Vân hài (*Paphiopedilum callosum*) dạng bạch tạng mọc tự nhiên, đồng thời bổ sung vùng phân bố mới của loài Nhãn điệp đen đỏ (*Liparis atrosanguinea*) cho hệ thực vật Việt Nam.

Từ khóa: đa dạng họ Lan (Orchidaceae), Kiên Giang, Phú Quốc, thực vật một lá mầm.

Chỉ số phân loại 1.6

Diversity of Orchidaceae from Phu Quoc National Park, Kien Giang province

Summary

A study on the diversity of Orchids from Phu Quoc National Park in Kien Giang province was carried out and identified 125 species, 59 genera. Among them, all species (except for saprophytes) were used as ornamental plants; 10 species were used for medicinal herbs; and 3 species *Paphiopedilum callosum*, *Dendrobium blaoense* and *Dendrobium ochraceum* were listed for conservation in Vietnam Red Data Book, Part II, Plants (2007) and the Decree 32/2006/ND-CP of the Government. The life forms of Orchids were divided into groups including (1) epiphytes with 82 species; (2) terrestrials with 17 species; (3) epiphytes and lithophytes with 13 species; (4) saprophytes with 4 species; (5) lithophytes and terrestrials with 4 species; (6) epiphytes and lithophytes and terrestrials with 3 species; (7) lithophytes with 1 species; and (8) epiphytes and terrestrials with 1 species. Especially, three albino individuals of *Paphiopedilum callosum* species were found in the wild nature, and a new distribution of *Liparis atrosanguinea* species was also recorded for the flora of Vietnam.

Keywords: diversity of Orchidaceae, Kien Giang, monocots, Phu Quoc.

Classification number 1.6

Đặt vấn đề

Vườn Quốc gia (VQG) Phú Quốc nằm ở phía đông bắc của đảo Phú Quốc, thuộc địa phận 6 xã gồm: Cửa Dương, Cửa Cạn, Bãi Thơm, Gành Dầu, Hàm Ninh và Dương Tơ của huyện đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; có tọa độ địa lý từ 10°12'07" đến 10°27'02" vĩ độ Bắc và từ 103°50'04" đến 104°04'40" kinh độ Đông; phía bắc, phía đông và phía tây giáp với Biển Đông, phía nam và đông nam giáp xã Cửa Dương và Hàm Ninh, với tổng diện tích tự nhiên 29.625 ha. Các sinh cảnh đặc trưng của VQG là hệ sinh thái rừng thường xanh cây lá rộng, hệ sinh thái rừng úng phèn và hệ sinh thái rừng ngập mặn. Đây được xem là nơi bảo tồn các loài lan quý hiếm và đặc hữu cho khu vực

*Tác giả liên hệ: Email: dvsonitb@yahoo.com.vn

Tây Nam Bộ, phía nam Việt Nam. Theo kết quả nghiên cứu của Phân viện Điều tra quy hoạch rừng Nam Bộ (2002) [1], thì VQG Phú Quốc có khoảng 46 loài thuộc 28 chi, và năm 2009 tác giả Lý Thọ [2] đã cập nhật và phát hiện bổ sung lên đến 99 loài thuộc 53 chi, tuy nhiên năm 2014, tác giả Đặng Minh Quân trong luận án Tiến sĩ của mình [3] chỉ thống kê có 80 loài và nhiều loài công bố trước đó không được cập nhật trong nghiên cứu này; trong đó có nhiều loài không chỉ có giá trị khoa học mà còn có giá trị kinh tế cao. Điều tra, cập nhật tính đa dạng của các loài lan hoang dã là một trong những nhiệm vụ rất quan trọng, giúp Ban quản lý của VQG có cơ sở khoa học trong việc đề xuất các chiến lược phát triển và bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên nói chung và nguồn gen của các loài lan hoang dã nói riêng ở hiện tại và trong tương lai.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

Tất cả các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) phân bố ở VQG Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Phương pháp nghiên cứu

Tiến hành điều tra và thu mẫu các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) theo tuyến thông qua các sinh cảnh khác nhau, thời gian điều tra được thực hiện 5 đợt, mỗi đợt từ 7-10 ngày (tháng 12/2013, tháng 4 và 8/2014, tháng 12/2015 và tháng 6/2016); mẫu lan được thu

thập trong quá trình điều tra, xử lý và chụp ảnh ngoài thực địa, và kèm theo lý lịch mẫu.

Xác định tên khoa học và dạng sống các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) theo phương pháp hình thái so sánh trên cơ sở các tài liệu công bố của Phạm Hoàng Hộ (2003) [4], Nguyễn Tiến Bản *et al.* (2005) [5], Gagnepain & Guillaumin (1932-1934) [6], Cribb (1998) [7], Averyanov *et al.* (2003) [8, 9], Averyanov (2013) [10]... Đồng thời việc xác định tên khoa học còn sử dụng phương pháp chuyên gia cũng như đối chiếu so mẫu với bộ mẫu chuẩn được lưu giữ ở Bảo tàng thực vật thuộc Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Đánh giá về giá trị sử dụng các loài lan theo phương pháp phỏng vấn có sự tham gia (PRA) và trên cơ sở các tài liệu công bố của Trần Hợp (1998) [11], Nguyễn Thiện Tịch (2001) [12], Đỗ Tất Lợi (2009) [13], Võ Văn Chi (2012) [14]. Đánh giá tình trạng bảo tồn theo Sách đỏ Việt Nam - Phần thực vật (2007) [15] và Nghị định 32 của Chính phủ.

Kết quả và thảo luận

Đa dạng về thành phần loài

Từ kết quả điều tra thực địa kết hợp với các số liệu phân tích trong phòng thí nghiệm, đã xác định được họ Lan (Orchidaceae) ở VQG Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang có 125 loài thuộc 59 chi (xem bảng 1).

Bảng 1: Danh lục các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) ở VQG Phú Quốc

STT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Dạng sống
1	<i>Acampe carinata</i> (Griff.) Panigrahi	Phong lan a cam sóng	Epi
2	<i>Acampe ochracea</i> (Lindl.) Hochr.	A cam sét	Epi
3	<i>Acampe rigida</i> (Buch.-Ham. ex Sm.) P.F.Hunt	A cam cứng	Epi
4	<i>Acriopsis indica</i> C.Wright	Tổ yến ấn	Epi
5	<i>Acriopsis liliifolia</i> (J.Koenig) Seidenf.	Tổ yến Java	Epi
6	<i>Adenoncos vesiculosa</i> Carr	Tuyến thư	Epi
7	<i>Aerides falcata</i> Lindl. & Paxton	Giáng hương	Epi, Lit
8	<i>Agrostophyllum planicaule</i> (Wall. ex Lindl.) Rchb.f.	Xích hủ thân dẹp	Epi
9	<i>Aphyllorchis montana</i> Rchb.f.	Âm lan núi	Sap
10	<i>Apostasia nuda</i> R.Br.	Cổ lan lục hùng	Ter
11	<i>Appendicula congesta</i> Ridl.	Vệ lan dày	Epi

12	<i>Appendicula cornuta</i> Blume	Vệ lan móng	Epi, Lit
13	<i>Appendicula hexandra</i> (J.Koenig) J.J.Sm.	Vệ lan lục hùng	Epi, Lit
14	<i>Arachnis labrosa</i> (Lindl. & Paxton) Rchb.f.	Lan nhện môi hẹp	Epi
15	<i>Bromheadia finlaysoniana</i> (Lindl.) Miq.	Lan đầm lầy	Ter
16	<i>Bulbophyllum abbrevilabium</i> Carr	Cầu diệp môi ngắn	Epi
17	<i>Bulbophyllum cf. pardalotum</i> Garay, Hamer & Siegerist	Cầu diệp	Epi
18	<i>Bulbophyllum cf. simplicilabellum</i> Seidenf.	Cầu diệp môi đơn	Epi
19	<i>Bulbophyllum clandestinum</i> Lindl.	Cầu diệp không cọng	Epi
20	<i>Bulbophyllum flabellum-veneris</i> (J.Koenig) Aver.	Cầu diệp thanh	Epi, Lit
21	<i>Bulbophyllum macranthum</i> Lindl.	Cầu diệp hoa ta	Epi
22	<i>Bulbophyllum macrocoleum</i> Seidenf.	Cầu diệp cô lê	Epi, Lit, Ter
23	<i>Bulbophyllum odoratissimum</i> (Sm.) Lindl. ex Wall.	Cầu diệp thơm	Epi, Lit
24	<i>Bulbophyllum rufinum</i> Rchb.f.	Cầu diệp sói	Epi
25	<i>Bulbophyllum stenobulbon</i> E.C.Parish & Rchb.f.	Cầu diệp đỉnh vàng cam	Epi
26	<i>Calanthe chevalieri</i> Gagnep.	Kiều lan	Ter
27	<i>Calanthe lyroglossa</i> Rchb.f.	Kiều lan lưỡi hình đàn	Ter
28	<i>Calanthe triplicata</i> (Willemet) Ames	Kiều lan xếp ba	Ter
29	<i>Cleisostoma striatum</i> (Rchb.f.) N.E.Br.	Mật khẩu sọc	Epi
30	<i>Cleisostoma subulatum</i> Blume	Mật khẩu móng dùi	Epi
31	<i>Coelogyne trinervis</i> Lindl.	Thanh đạm ba gân	Lit
32	<i>Conchidium muscicola</i> (Lindl.) Rauschert	Ni lan râu	Epi
33	<i>Crepidium calophyllum</i> (Rchb.f.) Szlach.	Ái lan mỹ diệp	Lit, Ter
34	<i>Cryptochilus cf. ctenostachyus</i> Gagnep.	Ẩn thiết trâm	Epi
35	<i>Cryptopylos clausus</i> (J.J.Sm.) Garay	Ẩn mao	Epi
36	<i>Cymbidium aloifolium</i> (L.) Sw.	Đoạn kiếm lô hội	Epi, Ter
37	<i>Cymbidium dayanum</i> Rchb.f.	Bích ngọc	Epi
38	<i>Cymbidium finlaysonianum</i> Lindl.	Đoạn kiếm	Epi
39	<i>Cymbidium macrorhizon</i> Lindl.	Hoàng lan hoại sinh	Sap
40	<i>Dendrobium crumenatum</i> Sw.	Tuyết mai	Epi
41	<i>Dendrobium acerosum</i> Lindl.	Hoàng thảo lá kim	Epi
42	<i>Dendrobium acinaciforme</i> Roxb.	Phong lan	Epi
43	<i>Dendrobium albopurpureum</i> (Seidenf.) Schuit. & Peter B. Adams	Phong lan	Epi
44	<i>Dendrobium aloifolium</i> (Blume) Rchb.f.	Móng rồng	Epi
45	<i>Dendrobium bilobulatum</i> Seidenf.	Phiếm đờn hai thùy	Epi

46	<i>Dendrobium cf. aduncum</i> Lindl.	Hồng cầu	Epi
47	<i>Dendrobium blaoense</i> Schuit. & Peter B. Adams	Thạch mộc Việt Nam	Epi, Lit
48	<i>Dendrobium comatum</i> (Blume) Lindl.	Thạch mộc ria môi rậm	Epi
49	<i>Dendrobium crumenatum</i> Sw.	Tuyết mai	Epi
50	<i>Dendrobium indivisum</i> (Blume) Miq.	Hoàng thảo không phân	Epi
51	<i>Dendrobium intricatum</i> Gagnep.	Luồn	Epi
52	<i>Dendrobium ochraceum</i> De Wild.	Cánh sét	Epi
53	<i>Dendrobium pachyphyllum</i> (Kuntze) Bakh.f.	Vây rắn	Epi
54	<i>Dendrobium terminale</i> E.C.Parish & Rchb.f.	Lan trầm	Epi
55	<i>Dendrobium truncatum</i> Lindl.	Phong lan	Epi
56	<i>Dendrobium umbonatum</i> Seidenf.	Hoàng thảo môi hình thuẫn	Epi, Lit
57	<i>Dienia ophrydis</i> (J.Koenig) Seidenf.	Ái lan lá rộng	Ter
58	<i>Eria foetida</i> Aver.	Ni lan hôi	Epi
59	<i>Eria globulifera</i> Seidenf.	Ni lan cầu	Epi, Lit
60	<i>Eria lasiopetala</i> (Willd.) Ormerod	Ni lan lông	Epi
61	<i>Eria tomentosa</i> (J.Koenig) Hook.f.	Tuyết nhung	Epi
62	<i>Erythrorchis altissima</i> (Blume) Blume	Xích lan	Sap
63	<i>Eulophia graminea</i> Lindl.	Luân lan hòa bản	Ter
64	<i>Eulophia spectabilis</i> (Dennst.) Suresh	Luân lan lộng lẫy	Ter
65	<i>Gastrochilus calceolaris</i> (Buch.-Ham. ex Sm.) D. Don	Túi thơ gót	Epi
66	<i>Gastrochilus intermedius</i> (Griff. ex Lindl.) Kuntze	Túi thơ trung gian	Epi
67	<i>Gastrochilus pseudodistichus</i> (King & Pantl.) Schltr.	Túi thơ song đỉnh	Epi
68	<i>Grammatophyllum speciosum</i> Blume	Thanh tuyền	Epi
69	<i>Grosourdia appendiculata</i> (Blume) Rchb.f.	Chim non	Epi
70	<i>Habenaria diphylla</i> (Nimmo) Dalzell	Hà biện đất	Ter
71	<i>Habenaria rhodocheila</i> Hance	Hà biện lưỡi đỏ	Lit, Ter
72	<i>Habenaria rostellifera</i> Rchb.f.	Hà biện mũi	Ter
73	<i>Habenaria rumphii</i> (Brongn.) Lindl.	Hà biện	Ter
74	<i>Lecanorchis multiflora</i> J.J.Sm.	Lan lê nhiều hoa	Sap
75	<i>Liparis acutissima</i> Reichb. f.	Nhãn diệp rất nhọn	Ter
76	<i>Liparis atrosanguinea</i> Ridl.	Nhãn diệp đen đỏ	Lit, Ter
77	<i>Liparis caespitosa</i> (Lam.) Lindl.	Nhãn diệp bụi	Epi
78	<i>Liparis rhodochila</i> Rolfe	Nhãn diệp	Epi, Lit

79	<i>Luisia brachystachys</i> (Lindl.) Blume	Lụi chùm ngắn	Epi
80	<i>Luisia zollingeri</i> Rchb.f.	Lụi Zollinger	Epi
81	<i>Macropodanthus alatus</i> (Holtum) Seidenf. & Garay	Đại cước	Epi
82	<i>Micropera pallida</i> (Roxb.) Lindl.	Vĩ túi tái	Epi
83	<i>Micropera thailandica</i> (Seidenf. & Smitinand) Garay	Vĩ túi thái	Epi
84	<i>Microsaccus griffithii</i> (E.C.Parish & Rchb.f.) Seidenf.	Phong lan	Epi
85	<i>Mycaranthes floribunda</i> (D.Don) S.C.Chen & J.J. Wood	Ni lan chùm tụ tán	Epi, Lit
86	<i>Oberonia falcata</i> King & Pantl.	Móng rùa phẳng	Epi
87	<i>Oberonia falconeri</i> Hook.f.	Móng rùa falconer	Epi
88	<i>Oberonia gammiei</i> King & Pantl.	Móng rùa gammi	Epi
89	<i>Oberonia jenkinsiana</i> Griff. ex Lindl.	Móng rùa jenkins	Epi
90	<i>Oberonia nitida</i> Seidenf.	Móng rùa đẹp	Epi
91	<i>Oxystophyllum carnosum</i> Blume	Phong lan	Epi
92	<i>Oxystophyllum excavatum</i> Blume	Phong lan	Epi
93	<i>Panisea cf. albiflora</i> (Ridl.) Seidenf.	Khúc thân hoa trắng	Epi
94	<i>Paphiopedilum callosum</i> (Rchb.f.) Stein	Vân hài	Epi, Lit
95	<i>Peristylus lacertifer</i> (Lindl.) J.J.Sm.	Chu thư môi xê	Ter
96	<i>Peristylus tentaculatus</i> (Lindl.) J.J.Sm.	Chu thư vòi	Ter
97	<i>Phalaenopsis pulcherrima</i> (Lindl.) J.J.Sm.	Hồng tuyền	Epi, Lit, Ter
98	<i>Phalaenopsis buyssoniana</i> Rchb.f.	Tiểu hồ điệp hồng	Epi, Lit, Ter
99	<i>Pholidota articulata</i> Lindl.	Trục đoạn ké	Epi
100	<i>Pholidota leveilleana</i> Schltr.	Tục đoạn	Epi
101	<i>Pinalia bractescens</i> (Lindl.) Kuntze	Ni lan lá hoa	Epi
102	<i>Pinalia tenuiflora</i> (Ridl.) J.J. Wood	Ni lan hoa nhỏ	Epi
103	<i>Plocoglottis bokorensis</i> (Gagnep.) Seidenf.	Lan lô cô	Ter
104	<i>Podochilus intermedius</i> J.J. Sm.	Túc thiết trung gian	Epi
105	<i>Podochilus microphyllus</i> Lindl.	Túc thiết lá nhỏ	Epi, Lit
106	<i>Polystachya concreta</i> (Jacq.) Garay & H.R. Sweet	Đa phương	Epi
107	<i>Pomatocalpa spicatum</i> Breda, Kuhl & Hasselt	Phong lan	Epi
108	<i>Porpax elwesii</i> (Rchb.f.) Rolfe	Trứng ốc	Epi, Lit
109	<i>Pteroceras teres</i> (Blume) Holtum	Dực giác tròn	Epi
110	<i>Robiquetia spathulata</i> (Blume) J.J.Sm.	Lan Phú Quốc	Epi
111	<i>Smitinandia helferi</i> (Hook.f.) Garay	Lan Mã lai vành	Epi
112	<i>Staurochilus fasciatus</i> (Rchb.f.) Ridl.	Hồ bì	Epi

113	<i>Taeniophyllum pusillum</i> (Willd.) Seidenf. & Ormerod	Đai điệp tù	Epi
114	<i>Thelasis micrantha</i> (Brongn.) J.J. Sm.	Lan củ dẹt nhọn	Epi
115	<i>Thelasis pygmaea</i> (Griff.) Lindl.	Lan củ dẹt lùn	Epi
116	<i>Thrixspermum centipeda</i> Lour.	Mao từ rít	Epi
117	<i>Thrixspermum iodochilus</i> Ridl.	Mao từ đặc biệt	Epi
118	<i>Trichoglottis lanceolaria</i> Blume	Mao thiệt thon	Epi
119	<i>Trichoglottis retusa</i> Blume	Mao thiệt tà	Epi
120	<i>Trichotosia gracilis</i> (Hook.f.) Kraenzl.	Mao hoa mảnh	Epi
121	<i>Trichotosia pulvinata</i> (Lindl.) Kraenzl.	Mao lan gối	Epi
122	<i>Trichotosia velutina</i> (Lodd. ex Lindl.) Kraenzl.	Mao lan lông	Epi
123	<i>Tropidia curculigoides</i> Lindl.	Lan đất bông ngắn	Ter
124	<i>Vanilla aphylla</i> Blume	Vani không lá	Ter
125	<i>Zeuxine affinis</i> (Lindl.) Benth. ex Hook.f.	Thơ sinh to	Ter, Lit

Ghi chú: Epi: Phong lan, Lit: Thạch lan, Ter: Địa lan, Sap: Lan hoại sinh

Từ số liệu bảng 1 cho thấy, thành phần loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) ở VQG Phú Quốc khá đa dạng và phong phú với 125 loài, chiếm 13,9% tổng số loài lan hiện có ở Việt Nam (897 loài) [9]. Các chi có số lượng loài nhiều nhất gồm: chi Lan hoàng thảo (*Dendrobium*) có 17 loài, chiếm 13,6% tổng số loài của họ Lan ở khu vực nghiên cứu; kế đến là chi Cầu điệp (*Bulbophyllum*) có 10 loài, chiếm 8,0%; tiếp theo là chi Móng rùa (*Oberonia*) có 5 loài, chiếm 4,0%; và sau cùng là các chi Đoạn kiếm (*Cymbidium*), Nỉ lan (*Eria*), Hà biện (*Habenaria*) và Nhãn điệp (*Liparis*), mỗi chi có 4 loài, chiếm 3,2%. Trong số các loài đã biết cũng đã xác định được 3 loài đặc hữu gồm: Thạch mộc Việt Nam (*Dendrobium blaoense*), Cánh sét (*Dendrobium ochraceum*) và Khúc thân hoa trắng (*Panisea cf. albiflora*).

Đa dạng về dạng sống

Dạng sống của các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) ở VQG Phú Quốc rất đa dạng, một loài có thể có một hoặc hai và đôi khi có ba dạng sống khác nhau. Từ bảng 1 cho thấy, nhóm dạng sống Phong lan (Epi) có số lượng loài nhiều nhất với 82 loài, chiếm 65,6% tổng số loài trong khu vực nghiên cứu; kế đến là nhóm Địa lan (Lit) có 17 loài, chiếm 13,6%; nhóm vừa Phong lan (Epi) và Thạch lan (Lit) có 13 loài, chiếm 10,4%; nhóm Lan hoại sinh (Sap) có 4 loài, chiếm 3,2%; nhóm vừa Thạch lan (Lit) và Địa lan (Ter) có 4 loài, chiếm 3,2%;

nhóm vừa Phong lan (Epi), Thạch lan (Lit) và Địa lan (Ter) có 3 loài, chiếm 2,4%; các nhóm Thạch lan (Lit), nhóm vừa Phong lan (Epi) và Địa lan (Ter) mỗi nhóm có 1 loài, chiếm 0,8%. Như vậy, nhóm Phong lan (Epi) chiếm tỷ lệ cao nhất (65,6% tổng số loài) trong số các dạng sống hiện có của họ Lan ở khu vực nghiên cứu, chúng góp phần làm phong phú thêm tính đa dạng sinh học cho họ Lan cũng như của hệ thực vật VQG Phú Quốc.

Đa dạng về giá trị tài nguyên

Giá trị sử dụng: tất cả các loài lan (trừ lan hoại sinh) ở VQG Phú Quốc đều được sử dụng làm cảnh, bởi chúng dễ trồng và dễ thuần hóa, có vẻ đẹp hoang dã, đơn giản về hình dáng và màu sắc. Bên cạnh giá trị làm cảnh, kết quả nghiên cứu cũng đã xác định được 10 loài có giá trị làm thuốc bao gồm: A can cứng (*Acampe rigida*), Tổ yến Java (*Acriopsis liliifolia*), Giáng hương (*Aerides falcata*), Vệ lan móng (*Appendicula cornuta*), Cầu điệp thơm (*Bulbophyllum odoratissimum*), Kiều lan xếp ba (*Calanthe triplicata*), Đoạn kiếm lô hội (*Cymbidium aloifolium*), Phong lan (*Dendrobium acinaciforme*), Tuyết mai (*Dendrobium crumenatum*), Hà biện lưỡi đỏ (*Habenaria rhodocheila*) và Lan đất bông ngắn (*Tropidia curculigoides*).

Giá trị về nguồn gen quý hiếm: để có biện pháp ưu tiên bảo vệ thì việc xác định các loài nguy cấp đóng

một vai trò vô cùng quan trọng. Từ bảng 1 cho thấy, ở VQG Phú Quốc có 1 loài là Vân hải (*Paphiopedilum callosum*) nằm trong phụ lục I và 124 loài nằm trong phụ lục II của CITES. Theo Nghị định 32, thì ở VQG Phú Quốc có 1 loài là Vân hải (*Paphiopedilum callosum*) được xếp trong nhóm IA- Nhóm nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại; còn theo Sách đỏ Việt Nam (2007) thì có 2 loài gồm: Thạch mộc Việt Nam (*Dendrobium blaoense*) và Cánh sét (*Dendrobium ochraceum*) được xếp ở thứ hạng Nguy cấp (EN), đây là những loài có vùng phân bố hẹp nhưng thường bị tác động về môi trường sống bởi yếu tố con người và luôn bị khai thác kiệt.

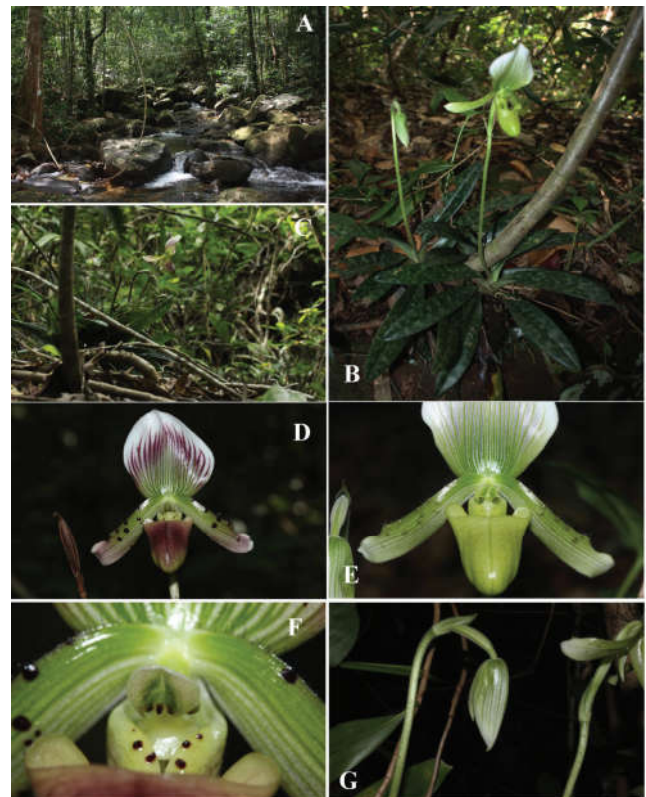
Thảo luận

Nhờ điều kiện khí hậu, địa hình và thổ nhưỡng khá đặc biệt của Phú Quốc, mà họ Lan (Orchidaceae) ở đây rất đa dạng và phong phú về thành phần loài (125 loài), chiếm 13,9% tổng loài lan hiện có của Việt Nam (897) [9] và 9,2% tổng số loài thực vật hiện có của cả VQG Phú Quốc (1.353 loài) [3]. Tuy nhiên, do tình trạng khai thác quá mức của người dân cho mục đích thương mại đã làm cho nguồn tài nguyên này ngày càng bị cạn kiệt, nhiều loài như Vân hải (*Paphiopedilum callosum*), Thạch mộc Việt Nam (*Dendrobium blaoense*), Cánh sét (*Dendrobium ochraceum*) và Hoàng thảo không phân (*Dendrobium indivisum*)... có nguy cơ mất đi. Vì vậy, yêu cầu cấp thiết hiện nay là cần có những chính sách phù hợp để bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên vô cùng quý giá này.

Trong số các loài lan đã ghi nhận ở VQG Phú Quốc, đặc biệt có Vân hải (*Paphiopedilum callosum*) và Nhãn điệp đen đỏ (*Liparis atrosanguinea*) là hai loài đáng chú ý nhất vì chúng có nhiều điểm thú vị về màu sắc cũng như giá trị khoa học.

Về loài Vân hải (*Paphiopedilum callosum*): đã phát hiện được dạng bạch tạng của loài này ở khu vực nghiên cứu, đây là loài có vùng phân bố rất hiếm ngoài tự nhiên; trong khi đó dạng bình thường của Vân hải thường có phát hoa màu đỏ - tím đậm, lá dài lưng có vân màu xanh tím, cánh hoa màu xanh tím với các nốt sần màu tím thẫm, môi hoa màu tía nhạt. Ghi nhận ở VQG Phú Quốc với 3 cá thể mọc cùng nơi với những cá thể còn sót lại của Vân hải dạng thông thường. Hiện nay, Vân hải ở Việt Nam đang suy giảm một cách nghiêm trọng do việc khai thác để thương mại hoặc sưu tập theo thú vui. Chúng thường mọc chung với nhau thành những cụm lớn, độ cao thấp và dễ dàng

bị thu hái đến mức kiệt quệ. Vân hải thường được ghi nhận mọc trên đá Granite, rừng thường xanh núi thấp dọc theo suối (Aver. et al. 2003) [8]. Phân bố của loài Vân hải theo Averyanov et al. (2003) [9] là loài mọc tự nhiên ở Thái Lan, Lào và Việt Nam. Ở Việt Nam, loài này được ghi nhận có ở Quảng Trị, Huế, Quảng Nam, Gia Lai, Lâm Đồng và Kiên Giang (VQG Phú Quốc) (xem hình 1).



Hình 1: Vân hải (*Paphiopedilum callosum*): A. Sinh cảnh sống; C và D. Vân hải dạng bình thường; B, E, F và G. Vân hải dạng bạch tạng

Về loài Nhãn điệp đen đỏ (*Liparis atrosanguinea*, in J. Straits Branch Roy. Asiat. Soc. 39: 71, 1870): tác giả Seidenfaden (1992) [16] đã mô tả loài *Liparis tixieri* thu ở vùng Đà Lạt, Việt Nam vào năm 1992 (holotype P!), và loài này được xem là loài đồng danh (synonym) của *Liparis atrosanguinea*. Tuy nhiên, theo các công bố mới đây của các tác giả như Averyanov (2013) [10], Wu & Hong (2009) [17] và Tetsana et al. (2013) [18] thì loài *L. tixieri* chính là loài tên đồng danh của *Liparis sootenzanensis* chứ không phải là *L. atrosanguinea*. Do đó, sự phân bố của loài *L. atrosanguinea* ở Việt Nam dường như chưa rõ ràng. Trong các đợt khảo sát ở VQG Phú Quốc, chúng tôi đã thu được mẫu của một loài thuộc chi *Liparis* và qua giám định tên thì nó

chính là loài *Liparis atrosanguinea*, một bổ sung vùng phân bố mới của loài này cho hệ thực vật Việt Nam (xem hình 2).



Hình 2: Nhãn diệp đen đỏ (*Liparis atrosanguinea*): A. Toàn cây; B. Hoa nhìn từ phía trên; C. Cột; D. Hoa nhìn từ phía bên; E. Mỗi hoa

Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã xác định được họ Lan (Orchidaceae) ở VQG Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang có 125 loài thuộc 59 chi. Trong đó, tất cả các loài (trừ lan phụ sinh) đều có giá trị làm cảnh, 10 loài làm thuốc và 3 loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam (2007) và Nghị định 32 của Chính phủ.

Dạng sống của các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) được chia làm các nhóm: phong lan (Epi) có 82 loài; địa lan (Lit) có 17 loài; vừa Phong lan (Epi) và Thạch lan (Lit) có 13 loài; Lan hoại sinh (Sap) có 4 loài; vừa Thạch lan (Lit) và Địa lan (Ter) có 4 loài; vừa Phong lan (Epi), Thạch lan (Lit) và Địa lan (Ter) có 3 loài; Thạch lan (Lit) có 1 loài; vừa Phong lan (Epi) và Địa lan (Ter) có 1 loài.

Có 2 loài là Vân hài (*Paphiopedilum callosum*) và Nhãn diệp đen đỏ (*Liparis atrosanguinea*) có nhiều điểm thú vị về màu sắc cũng như giá trị khoa học.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Phòng thí nghiệm trọng điểm thuộc Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Các tác giả xin chân thành cảm ơn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phân viện Điều tra Quy hoạch rừng Nam Bộ (2002), “Dự án điều tra Danh lục thực vật rừng VQG Phú Quốc”, *Báo cáo khoa học*, 25 trang.
- [2] Lý Thọ (2009), *Hướng dẫn định danh ngoài thực địa Lan hoang dã Phú Quốc*, Tổ chức Wildlife At Risk.
- [3] Đặng Minh Quân, “Nghiên cứu tính đa dạng thực vật theo các hệ sinh thái của VQG Phú Quốc”, *Luận án Tiến sỹ Sinh học*, 195 trang.
- [4] Phạm Hoàng Hộ (2003), *Cây cỏ Việt Nam, quyển 3*, Nxb Trẻ.
- [5] Nguyễn Tiến Bản, L. Averyanov, Dương Đức Huyền (2005), *Danh lục các loài Thực vật Việt Nam, Orchidaceae, tập III*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, tr.512-666.
- [6] F. Gagnepain & A. Guillaumin (1932-1934), “Orchidaceae & Apostasiaceae”, *Flore Générale de l’Indochine, Vol 6*, pp.142-647.
- [7] P. Cribb (1998), “The Genus Paphiopedilum”, *Royal Botanic Gardens Kew*, 427 p.
- [8] L. Averyanov, P.J. Cribb, K.L. Phan & T.H. Nguyen (2003), “Slipper Orchids of Vietnam: with an Introduction to the Flora of Vietnam”, *Kew: Royal Botanic Gardens*, 308 p.
- [9] L.V. Averyanov, A.L. Averyanova (2003), *Updated Checklist of the Orchids of Vietnam*, Vietnam National University Publishing House, 101 p.
- [10] L.V. Averyanov (2013), “The Orchids Of Vietnam Illustrated Survey”, *Part 4. Subfamily Epidendroideae, Turczaninowia*, pp.5-163.
- [11] Trần Hợp (1998), *Phong lan Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp.
- [12] Nguyễn Thiện Tịch (2001), *Lan Việt Nam, quyển 1*, Nxb Nông nghiệp TP Hồ Chí Minh, 424 trang.
- [13] Đỗ Tất Lợi (2009), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nxb Y học, Hà Nội.
- [14] Võ Văn Chi (2012), *Từ điển cây thuốc Việt Nam, tập 1, 2*, Nxb Y học, Hà Nội.
- [15] Bộ Khoa học và Công nghệ (2007), *Sách đỏ Việt Nam - Phần thực vật*, Nxb Khoa học tự nhiên và công nghệ, Hà Nội.
- [16] G. Seidenfaden (1992), “The orchids of Indochina”, *Copenhagen: Council for Nordic Publ. in Botany*, 502 p.
- [17] Z. Wu & D. Hong (2009), “Flora of China 25”, *Missouri Botanical Garden Press, St. Louis*.
- [18] N. Tetsana, H.E. Pedersen, K. Sridith (2013), “Five species of *Liparis* (Orchidaceae) newly recorded for Thailand”, *Thai Forest Bulletin*.